

Số: /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn quản lý trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2024-2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn tại Tờ trình số 212/TTr-BQL ngày 28/10/2024; đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 431/BC-SXD ngày 04/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này là Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn quản lý trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2024-2025).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn tổ chức thực hiện theo Kế hoạch được duyệt. Trường hợp có nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế sử dụng nước thì kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn và các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch được duyệt tổ chức thực hiện; kiểm tra, rà soát, gửi báo cáo tình hình triển khai Kế hoạch cấp nước an toàn (đợt xuất khi được yêu cầu) và theo định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6 và trước ngày 15/12) về Thường trực Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn; các thành viên Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Phó VP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, NN, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn quản lý trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2024-2025)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch Cấp nước an toàn của hệ thống cấp nước sạch do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn quản lý trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2024 - 2025).

2. Đơn vị lập: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn.

3. Địa điểm thực hiện Kế hoạch: Địa bàn cấp nước sạch thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

4. Ban Cấp nước an toàn

a) Nguyên tắc hoạt động: Ban cấp nước an toàn của đơn vị là tập hợp các nhân lực bao gồm, Ban Giám đốc, các Phòng ban, tổ sản xuất trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn được hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm.

b) Thành phần Ban Cấp nước an toàn: Gồm 12 người, trong đó: Giám đốc làm Trưởng ban, Trưởng phòng Quản lý dự án làm phó Trưởng ban; 10 cán bộ kỹ thuật là thành viên trong ban cấp nước an toàn.

5. Mục tiêu Kế hoạch

a) Mục tiêu chung

- Đảm bảo duy trì áp lực cấp nước, cung cấp nước ổn định, đủ lượng nước yêu cầu và đảm bảo chất lượng nước sạch theo quy chuẩn quy định.

- Giảm thiểu nguy cơ và quản lý rủi ro toàn diện từ nguồn nước qua các công đoạn thu nước, xử lý, dự trữ, phân phối đến khách hàng sử dụng nước.

- Có kế hoạch đối phó với các sự cố bất ngờ có thể xảy ra nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng, liên tục và hiệu quả.

- Giám các bệnh tật qua đường nước, phòng ngừa dịch bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ tốt hơn sức khỏe cộng đồng và góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần giảm tỉ lệ thất thoát, thất thu nước sạch, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, đủ lượng nước yêu cầu và đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2008/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật QCĐP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Cung cấp ổn định, hạn chế mức tối đa việc ngừng cấp nước, ngừng cấp nước không được quá tối đa 24 giờ.

- Đến năm 2025: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung của thị trấn Sơn Thịnh đạt 91%, với tiêu chuẩn cấp nước đạt 100-150 lít/người/ngày đêm.

- Góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch nhà máy nước thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn từ 20% còn 15%, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đánh giá hiện trạng hoạt động của hệ thống cấp nước

a) Nguồn nước, phạm vi cấp nước, vị trí thu, xử lý, dự trữ, vận chuyển và phân phối nước

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt của suối Nậm Bung, tại tổ dân phố Thác Hoa 2, thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn; công suất thiết kế của nhà máy 2.000 m³/ngày đêm, công suất khai thác 1.730 m³/ngày đêm.

- Phạm vi cấp nước: Cấp nước ăn uống, sinh hoạt và sản xuất cho người dân, hộ kinh doanh, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn.

- Vị trí thu nước: Nguồn nước mặt của suối Nậm Bung, tổ dân phố Thác Hoa 2, thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn.

- Xử lý nước bao gồm các công đoạn sau:

+ Hòa trộn hóa chất: Sử dụng phèn nhôm sunfat làm hóa chất keo tụ nước.

+ Lắng: Nước thô được hòa trộn với hóa chất sẽ chuyển đến ngăn lắng.

+ Lọc: Nước từ bể lắng được đưa đến các bể lọc, các bể lọc thường sử dụng một lớp vật liệu lọc (cát thạch anh) hoặc hai lớp vật liệu lọc (thêm một lớp than Anthracite).

+ Khử trùng: Nước sau khi qua bể lọc sẽ được khử trùng bằng Clo khí hóa lỏng trước khi về bể chứa, liều lượng theo test của bộ phận kiểm tra chất lượng. Sử dụng hóa chất DPD để xác định nồng độ Clo dư có trong nước.

- Dự trữ: Lượng nước dự trữ trong hệ thống tại các bể chứa làm nhiệm vụ điều hòa mạng lưới, phục vụ việc xử lý nước và dự trữ chữa cháy, tổng lượng nước dự trữ là 500 m³.

+ Nhà máy nước thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn có 01 bể dự trữ, lượng nước dự trữ là 500 m³ (Bể chứa bê tông cốt thép tại trạm xử lý nước, tổ dân phố Phiêng 1, thị trấn Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn).

- Vận chuyển và phân phối nước: Nước sạch sau xử lý được hòa mạng và phân phối từ bể chứa xuống hệ thống tuyến ống truyền tải cấp 1, cấp 2, cấp 3. Tổng chiều dài hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn nước sạch L = 7.500 m.

b) Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

Trạm bơm cấp I (bơm nước thô) → Bể trộn phản ứng (phèn nhôm sunfat) → Bể lắng ngang → Bể lọc → Châm Clo dạng khí hóa lỏng → Bể chứa nước sạch → Mạng lưới phân phối.

c) Các thông tin cơ bản về khách hàng sử dụng nước

Tổng số khách hàng sử dụng nước tính đến thời điểm ngày 30/9/2024 là 1.538 khách hàng, trong đó: Khối khách hàng nhân dân: 1.470 khách hàng; Khối hàng hành chính, cơ quan, doanh nghiệp: 68 khách hàng.

Hiện tại nhà máy nước thị trấn Sơn Thịnh đã vận hành đạt 86,5% so với công suất thiết kế. Đặc biệt trong những ngày thời tiết nắng nóng, ngày cận tết và thời điểm gặp sự cố trên tuyến ống cấp nước, ngành điện ngừng cấp điện đã xảy ra tình trạng thiếu hụt nước cục bộ trên một số khu dân cư có địa hình cao của thị trấn Sơn Thịnh.

2. Xác định, phân tích và đánh giá mức độ các nguy cơ, rủi ro đối với hệ thống cấp nước

a) Các nguy cơ, rủi ro từ nguồn nước, lưu vực

- Mực nước thấp do không có mưa đầu nguồn, chất lượng nước thô không ổn định do thời tiết, suy thoái nguồn nước, ô nhiễm nguồn nước từ hoạt động sản xuất nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi (hóa chất bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, chất thải chăn nuôi), ô nhiễm từ rác thải, nước thải từ các hộ dân chưa qua xử lý (xả trộm) hoặc xử lý chưa đạt.

b) Các nguy cơ rủi ro về mặt hóa, lý học và sinh học theo quy trình công nghệ hệ thống cấp nước

- Máy châm Clo bị sự cố, mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm, cháy động cơ do vận hành điện áp thấp, quá tải, do vận hành liên tục, hệ thống bể lọc, bể chứa quá tải do khai thác quá công suất.

- Sử dụng hóa chất không đúng định mức, công tác rửa bể chưa đúng theo quy trình, không tự kiểm soát được chất lượng đầu ra do thiết bị kiểm tra hỏng

đột suất, chưa bảo dưỡng kịp thời máy móc thiết bị, không kiểm soát được lượng Clo dư theo nước đầu vào.

c) Các nguy cơ rủi ro đối với việc đảm bảo cấp nước liên tục, lưu lượng và áp lực trong mạng lưới cấp nước đến khách hàng sử dụng

- Mất điện lưới, điện áp thấp trong những ngày nắng nóng, mùa mưa bão bị sét đánh cháy hệ thống bảo vệ trạm, mở rộng đường bị máy đào đất làm hỏng, đè vỡ, làm gãy ống nước chính, công suất nhà máy không đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng, không tự kiểm soát được chất lượng nước đầu ra do thiết bị kiểm tra hỏng đột suất.

- Do các đơn vị thi công làm hỏng, van hỏng, khách hàng tự ý mở van lấy nước, bục vỡ đường ống, hỏng máy trạm bơm.

- Khách hàng không chấp hành đúng các quy định theo hợp đồng mua bán nước đã ký, mất cấp đồng hồ đo nước, không phát hiện hoặc xử lý không kịp thời sự cố bục vỡ đường ống, đường ống của nhà máy và của khách hàng cũ bị rỉ sét, ô xi hóa gây rò rỉ nước.

d) Xác định thứ tự ưu tiên về các nguy cơ, rủi ro để đề xuất các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa

- Hành động cố ý gây ô nhiễm.
- Ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm độc chất, ô nhiễm vi sinh, ô nhiễm nước từ việc chăn nuôi gia súc.
- Ô nhiễm nguồn nước do hoạt động khai thác khoáng sản, chất lượng nguồn nước thay đổi, thiếu hụt nguồn nước, lưu lượng nước thô cung cấp thay đổi.
- Nguồn điện không ổn định.
- Lắng đọng rác tại công trình thu.
- Định mức Clo không chính xác, tắc ống dẫn hóa chất.
- Mức nước trong bể thay đổi, suy giảm chất lượng nước sau lắng, tốc độ nước sau lắng lớn.
- Rong tảo, phát triển ở công trình thu, đóng cặn trong bể lắng.
- Nồng độ Clo, phèn thay đổi.
- Ô nhiễm khác.

3. Xác định các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro và lập kế hoạch triển khai áp dụng

a) Rà soát các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục đang áp dụng

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Tuyên truyền nhân dân hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, cấm biển cảnh báo không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyên ống (thường xuyên): Tuần tra thường xuyên các hành lang có nguy cơ bị xâm phạm, lập một số biển báo cấm cho khu vực lấy nước.

- Máy châm Clo bị sự cố (1 lần/quý): Bộ phận vận hành sản xuất nước sạch thống kê các tình huống sự cố, tăng cường bảo dưỡng máy móc thường xuyên, mua một số vật tư dự phòng.

- Mất điện lưới (5-10 lần/tháng): Phối hợp chặt chẽ với công nhân ngành điện, có kế hoạch nghỉ máy theo thông báo, sẵn sàng trực vận hành máy ngay khi có điện.

- Do các đơn vị thi công làm hỏng (thường xuyên): Tăng cường công tác kiểm tra, phối hợp với Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công xử lý ngay các sự cố.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, ô xi hóa gây rò rỉ nước (thường xuyên): Thông kê số lần sự cố trên các tuyến ống, kiểm tra cụ thể các tuyến ống cũ, có kế hoạch thay thế tuyến ống mới.

b) Đề xuất các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục bổ sung

- Ô nhiễm thuốc bảo vệ thực vật (vào các thời vụ sản xuất): Báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Biện pháp bảo vệ hành lang an toàn cho nguồn nước và tuyến ống (thường xuyên): Chôn cọc mốc cho các tuyến ống theo thiết kế. Thông báo cho các bộ phận liên quan để giải quyết dứt điểm.

- Máy châm Clo bị sự cố (1 lần/quý): Thay thế bằng thiết bị dự phòng, sửa chữa khắc phục ngay thiết bị hư hỏng.

- Mất điện lưới (5-10 lần/tháng): Có kế hoạch cấp nước bù, bổ sung.

- Đường ống cũ lâu ngày, chôn sâu dưới lòng đất bị rỉ sét, ô xi hóa (thường xuyên): Thay thế ngay tuyến ống cũ của đơn vị và khách hàng.

c) Lập kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro.

Kế hoạch triển khai áp dụng các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục rủi ro được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ (tháng, quý, năm) theo mức độ ưu tiên.

4. Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa và khắc phục các nguy cơ, rủi ro

Kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa được thực hiện thường xuyên, theo chu kỳ hàng tháng. Phân công trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng tới từng cá nhân và bộ phận liên quan.

5. Lập kế hoạch, quy trình ứng phó với biến đổi xảy ra trong điều kiện vận hành có sự cố, mất kiểm soát và tình huống khẩn cấp

a) Phát hiện và thông báo sự cố

- Trách nhiệm: Các Phòng, cán bộ công nhân viên trong cơ quan.

- Nội dung công việc: Tiếp nhận thông tin, kiểm tra sự cố, thông báo sự cố đến Ban Cấp nước an toàn của đơn vị.

b) Bảo đảm thông tin, liên lạc kịp thời, liên tục, đúng đối tượng: Bảo đảm thông tin liên tục, kịp thời báo cáo các sự cố tới các cơ quan chức năng khi có sự cố xảy ra.

c) Xác định nguyên nhân sự cố: Ban cấp nước an toàn; bộ phận Kỹ thuật kiểm tra chi tiết sự cố, lập biên bản sự cố và đánh giá, phân tích các nguyên nhân gây ra sự cố.

d) Xác định các hành động cần thiết để ứng phó với sự cố: Đề xuất biện pháp ứng phó với sự cố, báo cáo lãnh đạo xin ý kiến; lập biên bản xử lý khắc phục sự cố.

đ) Thực hiện các hành động ứng phó: Hướng dẫn ứng phó với sự cố theo Kịch bản (nếu sự cố nằm trong kịch bản ứng phó đã xây dựng); cô lập sự cố: Thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm tách, ngắt thiết bị, khu vực sự cố ra khỏi dây truyền và hệ thống nhằm không gây ảnh hưởng rộng trên hệ thống và giảm thiểu tổn thất; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư máy móc, thiết bị để ứng phó; xây dựng phương án dự phòng.

e) Xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp ổn định cho khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước, áp lực, lưu lượng và tính liên tục theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và các quy định riêng của hợp đồng dịch vụ cấp nước đã ký kết: Thực hiện xử lý sự cố và giám sát; khôi phục cung cấp ổn định cho khách hàng.

f) Xác định hậu quả trước mắt và lâu dài: Kiểm tra đánh giá các thiệt hại do sự tác động, đánh giá hậu quả trước mắt và lâu dài.

g) Giải trình, báo cáo: Giải trình sự cố; lập hồ sơ sự cố; báo cáo chi tiết; lập hồ sơ khối lượng thực hiện xử lý sự cố; thanh toán khối lượng thực thi.

h) Lưu trữ thông tin, số liệu về sự cố và các biện pháp khắc phục

- Trách nhiệm: Bộ phận kỹ thuật, kho, vật tư; Ban cấp nước an toàn.

- Nội dung công việc: Lưu trữ hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, các biện pháp khắc phục.

i) Đánh giá tổng thể sự cố và đề xuất các giải pháp phòng ngừa, xử lý sự cố có thể xảy ra trong tương lai.

- Trách nhiệm: Bộ phận kỹ thuật, kho; Ban cấp nước an toàn.

- Nội dung công việc: Phân tích, đánh giá nguyên nhân, phân tích đánh giá các biện pháp ngăn ngừa sự cố không lặp lại, báo cáo các cơ quan chức năng (nếu có).

6. Xây dựng các tiêu chí, các chỉ số giám sát và giới hạn kiểm soát để đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

a) Chất lượng nước sử dụng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày

14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2022/YB ban hành kèm theo Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

b) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng dịch vụ cấp nước theo quy định

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 1/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch.

- Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

- Thông tư số 41/2018/TTBYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT; Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa **đổi**; bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 41/2018/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Yên Bái (ký hiệu QCĐP 01:2022/YB).

c) Các yêu cầu về quản lý chất lượng

- Hoạch định cho việc tạo sản phẩm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn lập kế hoạch và triển khai các quá trình cần thiết để cung cấp sản phẩm và dịch vụ. Đảm bảo tính nhất quán với các yêu cầu của các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng.

- Quá trình liên quan đến khách hàng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn thiết lập và duy trì một quy trình bằng hợp đồng đảm bảo sản phẩm và dịch vụ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn (quản lý và vận hành hệ thống cấp nước) chịu trách nhiệm phối hợp trao đổi thông tin với khách hàng, kể cả việc sửa đổi hợp đồng. Bất kỳ sự sửa đổi nào trong hợp đồng phải được xác nhận, xem xét và thông báo đến các đơn vị có liên quan.

- Mua hàng: Giao cho Phòng Hành chính - Kế hoạch phối hợp với Phòng quản lý dự án và phát triển đô thị có liên quan đến lĩnh vực sản xuất cung cấp nước sạch chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì một quy trình bằng văn bản cho việc mua hàng để đảm bảo rằng tất cả hàng hóa mua vào đều phù hợp với yêu cầu mua hàng đã quy định và các nhà cung cấp được đánh giá, chọn lựa và quản lý một cách phù hợp. Bộ phận kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với cán bộ mua vật tư thực hiện việc kiểm tra chấp nhận đối với hàng hóa mua vào phù hợp với nhu cầu mua hàng (đặc tính kỹ thuật).

- Sản xuất và cung cấp dịch vụ: Quản lý và vận hành hệ thống cấp nước thị trấn Sơn Thịnh, bảo đảm việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ được lập kế hoạch và kiểm soát việc thực hiện.

- Đo lường, phân tích và cải tiến: Đơn vị luôn mong muốn cải tiến để đáp ứng sự mong đợi của khách hàng, các hoạt động dưới đây chứng minh điều này:

+ Thực hiện kiểm tra để xác nhận sự phù hợp của sản phẩm.

+ Sử dụng kỹ thuật thống kê trong phân tích số liệu về nhà cung cấp, chất lượng trong sản xuất, cung cấp dịch vụ, phản nản của khách hàng để chỉ ra sự cố và qua đó nghiên cứu để chỉ ra sự cố và nghiên cứu để đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa.

+ Thực hiện đánh giá chất lượng nội bộ thường xuyên để xem xét hệ thống quản lý chất lượng của Đơn vị, chỉ ra những điểm không phù hợp và từ đó đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa.

7. Quản lý cơ sở dữ liệu có liên quan về cấp nước an toàn

a) Lập danh mục các văn bản, tài liệu và các thông tin liên quan đến công tác cấp nước an toàn

- Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về Cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

b) Xây dựng hệ thống và quy trình kiểm soát tài liệu: Gồm 07 bước, cụ thể:

- Bước 1: Yêu cầu soạn thảo sửa đổi.

- Bước 2: Xem xét yêu cầu.

- Bước 3: Người được phân công thực hiện lập mới hoặc sửa đổi thông tin.

- Bước 4: Trưởng bộ phận xem xét.

- Bước 5: Giám đốc ban phê duyệt.

- Bước 6: Ban hành và cập nhật danh mục kiểm soát tài liệu nội bộ.
- Bước 7: Phân phối tài liệu đến các cá nhân, tổ chức liên quan và thực hiện quy trình lưu hồ sơ.

c) Lập hệ thống quản lý hồ sơ và hỗ trợ lưu giữ hồ sơ

- Lập danh mục hồ sơ.
- Thu thập, phân loại, sắp xếp, kiểm soát hồ sơ.
- Truy cập, sử dụng hồ sơ.
- Lưu trữ bảo quản hồ sơ.
- Hủy hồ sơ.

d) Lập kế hoạch định kỳ rà soát các văn bản, tài liệu và chỉnh sửa khi cần thiết: Định kỳ theo quý hoặc bất thường thực hiện công tác rà soát các văn bản tài liệu liên quan về hệ thống cấp nước, kế hoạch cấp nước an toàn cho các hạng mục công trình thuộc hệ thống mạng lưới cấp nước, tiêu thụ nước và chỉnh sửa khi cần thiết.

đ) Lưu giữ hồ sơ, quản lý tài liệu để tiến hành đánh giá độc lập, cung cấp thông tin kịp thời khi có sự cố xảy ra đối với hệ thống cấp nước: Ban cấp nước an toàn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn lưu trữ tổng hợp hồ sơ, tài liệu theo quy trình nội bộ.

e) Xây dựng cơ chế tiếp nhận và xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng hoặc cộng đồng.

Phòng Hành chính - Tổng hợp tiếp nhận phân loại ý kiến → Phiếu yêu cầu xử lý khiếu nại → Xem xét phân tích nguyên nhân → Đề ra biện pháp và trách nhiệm xử lý → Duyệt → Chuyển bộ phận liên quan → Ý kiến của khách hàng sau xử lý → Các bộ phận liên quan thực hiện theo dõi và đánh giá kết quả xử lý → Lưu trữ hồ sơ.

8. Lập các chương trình hỗ trợ và kế hoạch triển khai

a) Chương trình bảo dưỡng phòng ngừa, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống cấp nước, tăng tuổi thọ phục vụ của các công trình và thiết bị, ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, sự cố

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ, thường xuyên máy bơm, thiết bị nhà máy nước, kế hoạch thực hiện: Định kỳ hàng tháng.

- Thay thế các tuyến ống cũ, hỏng (giảm tỷ lệ thất thoát nước): Dự kiến năm 2024 - 2025 thay thế trên 2.000 m ống các loại, thay trên 6 van khởi thủy ống cấp 2, thay đồng hồ đo nước D15 định kỳ trên 150 cái.

- Ốp lát, nâng cấp khu xử lý nước của nhà máy.

- Đấu nối lại đồng hồ cho khách hàng sau khi thay mới tuyến ống cấp 2.

b) Chương trình đánh giá độc lập để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn

- Kiểm tra chất lượng nước thô: Áp dụng theo QCVN 08: 2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch thực hiện: 06 tháng /lần.

- Kiểm tra nước sạch sau xử lý: Kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT, QCĐP 01:2022, gồm:

+ Thử nghiệm định kỳ: Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 08 thông số chất lượng nước sạch nhóm A theo QCĐP không ít hơn 01 lần/tháng. Tần suất thử nghiệm định kỳ đối với 24 thông số chất lượng nước sạch nhóm B theo QCĐP không ít hơn 1 lần/06 tháng;

+ Đơn vị tiến hành thử nghiệm toàn bộ thông số nước sạch của nhóm A, B trong danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại điều 4 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT) ban hành theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT trong các trường hợp sau:

- (1) Trước khi đi vào vận hành lần đầu.
- (2) Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất.
- (3) Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch.
- (4) Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- (5) Định kỳ 03 năm 1 lần thử nghiệm toàn bộ 99 thông số trong QCVN 01-1:2008/BYT kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

c) Chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ cán bộ và công nhân về nâng cấp an toàn.

Hàng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành, công nhân kỹ thuật và các bộ phận chăm sóc khách hàng, ngoài ra tham gia các lớp tập huấn, hội thảo về lĩnh vực cấp nước.

d) Chương trình tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và an toàn

- Tuyên truyền qua hình thức treo băng zôn, khẩu hiệu tại các địa điểm công cộng, đông người qua lại và tại trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn.

- Tổ chức tuyên truyền lồng ghép, phối hợp với các trường học trên địa bàn tuyên truyền việc sử dụng nguồn tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả và an toàn.

- Làm tốt công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn nơi khai thác nguồn nước nguyên liệu, giữ gìn nguồn nước nguyên liệu luôn sạch, không có tác động của môi trường xung quanh, nhất là việc tuyên truyền bà con, các doanh nghiệp trong việc xả thải, sử dụng hóa chất.

9. Xây dựng kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện cấp nước an toàn; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn cho giai đoạn tiếp theo

Để bảo đảm cấp nước an toàn trong toàn hệ thống, các bộ phận (có liên quan) trong quá trình thực hiện công việc được giao gửi đề xuất, kiến nghị về Ban Cấp nước an toàn của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả của kế hoạch

- Các bộ phận được phân công phụ trách gửi các kiến nghị, đề xuất hàng tháng về Ban Giám đốc để tổng hợp báo cáo, khi có sự cố lớn phải báo cáo ngay và trực tiếp với Ban Chỉ đạo Cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh.

- Định kỳ hàng tháng các bộ phận được phân công phụ trách tổng hợp gửi về phòng kỹ thuật của đơn vị.

- Định kỳ hàng quý các bộ phận được phân công phụ trách tổng hợp gửi báo cáo về Ban Cấp nước an toàn của đơn vị.

- Hàng năm tổ chức đánh giá tổng kết các nhiệm vụ được giao và thực hiện, các vấn đề phát sinh.

- Ban Cấp nước an toàn trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc tiến hành đề xuất, đề nghị điều chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn gửi Ban chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh (Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái).

10. Đầu tư phát triển nguồn cung cấp nước sạch và mở rộng mạng lưới cấp nước khu vực đô thị

- Tiếp tục duy trì nhà máy sản xuất nước sạch thị trấn Sơn Thịnh với công suất thiết kế 2.000 m³/ngày/đêm; Nhà máy do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Văn Chấn quản lý, vận hành, khai thác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch cho các hộ dân ở khu vực chưa được cung cấp nước sạch trên địa bàn thị trấn.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường ống nước mới thuộc khu vực thị trấn Sơn Thịnh và vùng lân cận

- Tiếp tục sửa chữa và nâng cấp các tuyến đường ống cấp nước sinh hoạt hiện hữu do bị hư hỏng, xuống cấp.

11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch Cấp nước an toàn do đơn vị cấp nước lập (một phần được trích từ vốn khấu hao hàng năm của đơn vị; phần còn lại đơn vị sử dụng từ nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo từng giai đoạn) và được tính vào chi phí sản xuất chung trong giá tiêu thụ nước sạch được thẩm định phê duyệt./.